

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/DS-PT

Ngày 10-01-2025

V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố
tài sản và tranh chấp hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài.

Các thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Nữ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 563/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2024, về việc: tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 306/2024/DS-ST Ngày 19-9-2024 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 516/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1986; trú tại: Thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện hợp pháp của ông H: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1986; trú tại: số nhà I, đường D, khu đô thị T, tổ H, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương (Văn bản ủy quyền ngày 18/7/2023), có mặt.

- Bị đơn: Ông Đoàn Văn H1, sinh năm 1985 - Chủ tiệm cầm đồ Hương Huy H2; trú tại: Số A, đường Đ, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1) Ngân hàng TMCP V; địa chỉ: A- A- A H, phường N, Quận A, Thành phố

Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP V: Ông Trần Trung N, địa chỉ: tầng A, tòa nhà A, số 1 C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh và ông Trần Minh Hân T1, địa chỉ: số A, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (Văn bản ủy quyền số 16034/2024/UQ-VPB ngày 13/12/2024), ông Trần Minh Hân T1 có mặt, ông Trần Trung N vắng mặt.

2) Ông Phạm Văn T, sinh năm 1986; trú tại: số nhà I, đường D, khu đô thị T, tổ H, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người kháng cáo: nguyên đơn ông Lê Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Văn H trình bày: ngày 21/4/2023 ông Lê Văn H có cầm cố chiếc xe ô tô hiệu Hyundai Elantra 1.6AT, biển số 36A- 72928 tại tiệm C do ông Đoàn Văn H1 làm chủ để vay số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Do chiếc xe ông H mua trả góp nên khi cầm đồ ông H có báo cho chủ tiệm cầm đồ biết xe đang thế chấp ngân hàng nên không có cà vẹt gốc. Đồng thời ông H yêu cầu tiệm cầm đồ không được bán. Đến ngày 20/5/2023, ông H1 điện báo cho ông H đóng tiền lãi, nhưng ông H về quê có việc gia đình nên thông báo lại cho ông H1 là cho thiếu lại tiền lãi, hôm sau vào đi làm trả luôn 2 tháng. Qua ngày 21/5/2023, ông H nhờ ông T ra tiệm cầm đồ xin chậm đóng lãi vài hôm vì ông H3 đang thất nghiệp chưa có tiền, gia đình lại có người ốm, vài ngày nữa vào đi làm sẽ đóng lãi và xoay sở tiền lấy xe. Đến đầu tháng 6/2023 ông H nhờ ông T mang 10.000.000đ lên nộp tiền lãi trước rồi vài ngày sau ông H vào sẽ tới chuộc xe thì ông H1 cho biết tiệm cầm đồ đã thanh lý chiếc xe và không cho đóng lãi nữa. Ông H nhiều lần liên hệ để giải quyết thì phía ông H1 từ chối và nói đã bán xe rồi, không cho chuộc nữa. Nay ông H khởi kiện yêu cầu ông H1 trả lại chiếc xe và ông H trả lại 100.000.000đ; ông H buộc ông H1 bồi thường tiền thuê xe tính theo giá thuê 15.000.000đ/tháng, thời gian tạm tính từ ngày 28/6/2023 đến ngày 28/6/2024 là 165.000.000đ (một trăm sáu mươi lăm triệu đồng). Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền thuê xe tính đến ngày xét xử 19/9/2024 tổng là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), đồng thời yêu cầu bổ sung buộc ông H1 phải chịu khoản tiền phạt vi phạm hành chính do sử dụng xe quá tốc độ.

Theo kết quả định giá tài sản chiếc xe tại thời điểm định giá có giá trị 493.850.000 đồng, đại diện của ông H thống nhất kết quả định giá và không có ý kiến gì.

Bị đơn ông Đoàn Văn H1 trình bày: Ông H1 thống nhất ngày 21/4/2023 nguyên đơn là ông Lê Văn H cùng ông T đến tiệm cầm đồ Hương H của ông vay số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, thời gian vay 01 tháng. Để đảm bảo cho khoản vay ông H cầm cố chiếc xe ô tô hiệu Hyundai Elantra 1.6AT, biển số 36A- 72928. Khi cầm xe ông H nói giấy tờ xe đang gửi chỗ bạn và nói cho cầm xe để ông H lấy giấy tờ gốc về đưa cho ông

H1. Sau khi làm thủ tục cầm cố chiếc xe, ông H và ông T thỏa thuận ông H1 chuyển số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) vào tài khoản của ông T. Sau khi ông H1 chuyển tiền vào tài khoản của ông T thì ông H không quay lại nữa. Hết một tháng theo thỏa thuận tại hợp đồng cầm cố ông H không đến đóng lãi cũng như thanh lý hợp đồng cầm cố. Ông H1 nhiều lần liên hệ với ông H không được nên đã liên hệ với ông T để yêu cầu ông T báo ông H đóng tiền lãi theo thỏa thuận nhưng ông T và ông H cũng không đóng tiền lãi và cũng không đến gặp ông H1. Ông T nhiều lần nhắn tin hẹn đến trả tiền nhưng cũng không thực hiện. Ông H1 nhắn tin thông báo cho ông T biết nếu hết ngày 27/6/2023 ông T và ông H không trả tiền thì ông H1 sẽ thanh lý chiếc xe. Do quá thời hạn cầm cố nên sau ngày 27/6/2023 ông H1 đã bán chiếc xe ô tô của ông H cầm cố cho người khác. Sau khi lên Tòa án làm việc, được biết thông tin chiếc xe ông H đang thế chấp ở Ngân hàng nên ông H1 đã lấy xe về. Trước yêu cầu khởi kiện của ông H, ông H1 có yêu cầu phản tố đồng ý trả lại xe cho ông H và ông H phải trả cho ông H1 khoản tiền lãi tạm tính từ ngày cầm cố chiếc xe là 21/4/2023 đến ngày 04/7/2024 là 14 tháng 15 ngày, cụ thể là: $100.000.000đ \times 14,5 \text{ tháng} \times 8\%/tháng = 116.000.000đ$ và phải tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 05/7/2024 đến khi ông H thanh toán xong khoản tiền cho ông H1 và nhận lại xe. Tại phiên tòa, ông H1 thay đổi yêu cầu phản tố đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính lãi theo quy định của pháp luật.

Theo kết quả định giá tài sản chiếc xe tại thời điểm định giá có giá trị 493.850.000đ. Ông H1 thống nhất kết quả định giá và không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T trình bày: Ông T biết việc ông H cầm cố xe ô tô tại tiệm cầm đồ của ông H1. Ông T cũng thừa nhận ông H nhờ ông T nhận tiền hộ và ông H1 đã chuyển số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) vào tài khoản của ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP V trình bày: ngày 07/01/2022 ông Lê Văn H ký hợp đồng vay số LN2112214943618 với Ngân hàng TMCP V để vay số tiền 505.000.000đ với mục đích mua xe ô tô hiệu Hyundai Elantra 1,6L; AT sản xuất mới 100%; lãi suất thời điểm giải ngân là 9%/năm. Để bảo đảm khoản vay ông H thế chấp xe ô tô Hyundai Elantra 1.6L theo hợp đồng thế chấp số LN2112214943618 ngày 07/01/2022, phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng và văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng lập ngày 21/01/2022. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Lê Văn H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với ngân hàng kể từ ngày 15/7/2023. Tạm tính đến ngày 19/9/2024 ông Lê Văn H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 599.050.049đ, trong đó nợ gốc là 436.607.000đ, nợ lãi trong hạn 33.908.341đ, nợ lãi quá hạn 128.534.708đ.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/9/2024 là 599.050.049đ, trong

đó nợ gốc là 436.607.000đ, nợ lãi trong hạn 33.908.341đ, nợ lãi quá hạn 128.534.708đ.

Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông H thanh toán xong toàn bộ số nợ. Nếu ông H không trả nợ thì Tòa án tuyên ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô hiệu Hyundai của ông Lê Văn H để thu hồi nợ. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ ... được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp. Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ trả nợ hoặc trường hợp tài sản bảo đảm đã bị tẩu tán thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại tài sản khác của ông H để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Ngoài ra ông H phải chịu án phí và các chi phí liên quan (nếu có).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 306/2024/DS-ST ngày 19-9-2024 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đã quyết định như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

1.1. Buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn chiếc xe ô tô hiệu Hyundai Elantra 1.6L, biển số 36A- 729.28, số máy G4FGMU026700, số khung RLUFC41CBMN025463.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tiền thuê xe là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn.

Buộc nguyên đơn trả cho bị đơn tổng số tiền 119.000.000đ (một trăm mười chín triệu đồng), trong đó 100.000.000đ tiền vay và 19.000.000đ tiền lãi.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP V đối với nguyên đơn.

3.1. Buộc nguyên đơn phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ tạm tính đến ngày 19/9/2024 là 599.050.049đ (năm trăm chín mươi chín triệu, không trăm năm mươi nghìn, không trăm bốn mươi chín đồng), trong đó nợ gốc là 436.607.000đ, nợ lãi trong hạn 33.908.341đ, nợ lãi quá hạn 128.534.708đ.

3.2. Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 20/9/2024 cho đến khi nguyên đơn trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng vay nêu trên.

3.3. Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp khi bản án có hiệu lực thi hành mà nguyên đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP V được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là xe ô tô hiệu Hyundai Elantra 1.6L, biển số 36A- 729.28, số máy G4FGMU026700, số khung RLUFC41CBMN025463 để thu hồi nợ. Giá trị xe khi phát mại được dùng để bảo đảm thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP V. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết nợ thì nguyên đơn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP V.

Ngoài ra bản án còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03 tháng 10 năm 2024, nguyên đơn ông Phạm Văn T nộp đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Tài liệu, chứng cứ thể hiện nguyên đơn cầm cố xe ô tô cho bị đơn để vay số tiền 100.000.000 đồng, với thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay 01 tháng; hết thời hạn vay 01 tháng 03 ngày nếu nguyên đơn không trả lại tiền vay thì bị đơn có quyền phát mãi tài sản cầm cố. Hết thời hạn vay, nguyên đơn không thanh toán tiền vay cho bị đơn, do đó bị đơn đã thanh lý tài sản cầm cố là xe ô tô của nguyên đơn, tuy nhiên hiện nay bị đơn trình bày đã chuộc lại xe của nguyên đơn; về tiền lãi mặc dù các bên có thỏa thuận lãi suất cao hơn quy định của pháp luật nhưng mức lãi suất này chỉ được áp dụng trong thời hạn vay, quá thời hạn vay chỉ áp dụng theo quy định của pháp luật; không có căn cứ bị đơn sử dụng xe ô tô của nguyên đơn để kinh doanh nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 200.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét chứng cứ và xét xử đúng quy định của pháp luật, tại cấp phúc thẩm người kháng cáo không có tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn H trong hạn luật định, căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn:

[3] Về tranh chấp hợp đồng cầm cố: tài liệu chứng cứ, lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn, xác định ngày 21/4/2023 ông Lê Văn H đến tiệm cầm đồ của ông Đoàn Văn H1 tại khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương cầm cố xe ô tô hiệu Hyundai Elantra 1.6AT, biển số 36A- 72928 trong thời hạn 01 tháng, để vay số tiền 100.000.000 đồng từ ông H1, hai bên lập “Hợp đồng cầm cố thế chấp tài sản”, về lãi suất tại hợp đồng thế chấp cầm cố tài sản, không ghi mức lãi suất, bị đơn cho rằng mức lãi thỏa thuận là 5%/tháng; theo trình bày của

bị đơn là 1,5%/tháng. Thực hiện hợp đồng ông H cầm cố xe ô tô trên để vay số tiền 100.000.000 đồng.

[4] Về nguồn gốc xe ô tô biển số 36A-72928, do ông H mua của Công ty TNHH N1 vào ngày 05/11/2021 với giá 595.000.000 đồng, ông H đã được Công an tỉnh T cấp “Giấy chứng nhận đăng ký ô tô”. Ngày 07/01/2022, ông H thế chấp xe ô tô biển số 36A- 72928 cho Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền 505.000.000 đồng để trả tiền mua xe. Ngân hàng đã giải ngân cho ông H vay số tiền 505.000.000 đồng; ngân hàng giữ lại giấy tờ của tài sản thế chấp là “Giấy chứng nhận đăng ký ô tô” biển số 36A-72928, giấy kiểm định, giấy chứng nhận bảo hiểm xe ô tô.

[5] Tại Hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng với ông H có quy định quyền và nghĩa vụ của ông H đối với tài sản thế chấp xe ô tô như sau: “không được dùng tài sản thế chấp để đảm bảo cho nghĩa vụ khác”, tuy nhiên ông H mang chính tài sản xe ô tô đã thế chấp cho Ngân hàng để cầm cố đảm bảo cho khoản vay 100.000.000 đồng từ ông H1 là trái với thỏa thuận với Ngân hàng, trái quy định của pháp luật tại Điều 296 Bộ luật Dân sự; đồng thời khi ông H cầm cố xe ô tô này cho ông H1 thì ông H1 cũng biết xe ô tô này đang được thế chấp cho Ngân hàng nhưng vẫn đồng ý cầm cố để thực hiện nghĩa vụ đối với số tiền vay 100.000.000 đồng là trái quy định của pháp luật. Vì theo quy định tại Điều 311 Bộ luật Dân sự thì bên cầm cố chỉ thanh toán cho bên nhận cầm cố chi phí hợp lý để bảo quản tài sản cầm cố; trong vụ việc này giữa ông H và ông H1 thực hiện giao dịch cầm cố tài sản để đảm bảo cho khoản vay 100.000.000 đồng nên giao dịch này là trái pháp luật. Do đó giao dịch cầm cố tài sản để đảm bảo cho khoản vay tiền giữa ông H và ông H1 vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật. Căn cứ Điều 131 và 316 Bộ luật Dân sự, ông H có nghĩa vụ trả lại cho ông H1 số tiền 100.000.000 đồng; ông H1 trả lại cho ông H1 xe ô tô nêu trên, về bồi thường thiệt hại (hoặc yêu cầu trả lãi) do hai bên cùng có lỗi nên không ai phải bồi thường cho ai trong hợp đồng cầm cố giữa ông H với ông H1.

[6] Nguyên đơn cho rằng bị đơn sử dụng xe ô tô cầm cố của nguyên đơn vào việc kinh doanh, lưu thông và bị Cục Cảnh sát giao thông xử phạt vi phạm hành chính, nhưng nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ trên nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu bồi thường tiền thuê xe 200.000.000 đồng.

[7] Về hợp đồng tín dụng không bị kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[8] Với tài liệu, chứng cứ thu thập tại hồ sơ và nhận định trên có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông H.

[9] Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu trên số tiền phải trả cho ông H1 và Ngân hàng và trên số tiền không được chấp nhận; bị đơn phải chịu án phí không giá ngạch.

[10] Chi phí thẩm định, định giá 1.000.000 đồng bị đơn phải chịu và nộp để trả cho Ngân hàng TMCP V.

[11] Án phí phúc thẩm: kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo không phải chịu.

[12] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là chưa phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 48, 148, khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 296, 311, 131, 316 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban T2 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn H.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 306/2024/DS-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn H đối với bị đơn ông Đoàn Văn H1 về việc tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản.

- Buộc bị đơn ông Đoàn Văn H1 trả lại cho nguyên đơn ông Lê Văn H xe ô tô hiệu Hyundai Elantra 1.6L, biển số 36A-729.28, số máy G4FGMU026700, số khung RLUF41CBMN025463.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Văn H buộc bị đơn ông Đoàn Văn H1 phải trả tiền thuê xe là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

2.3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đoàn Văn H1 đối với nguyên đơn ông Lê Văn H.

Buộc nguyên đơn ông Lê Văn H trả cho bị đơn ông Đoàn Văn H1 số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

2.4. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đoàn Văn H1 đối với nguyên đơn ông Lê Văn H về việc thanh toán tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Đoàn Văn H1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Văn H chưa thi hành xong số tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Phần bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực như sau:

3.1. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP V đối với nguyên đơn.

3.1.1. Buộc nguyên đơn phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ tạm tính đến ngày 19/9/2024 là 599.050.049đ (năm trăm chín mươi chín triệu, không

trăm năm mươi nghìn, không trăm bốn mươi chín đồng), trong đó nợ gốc là 436.607.000đ, nợ lãi trong hạn 33.908.341đ, nợ lãi quá hạn 128.534.708đ.

3.1.2. Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 20/9/2024 cho đến khi nguyên đơn trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng vay nêu trên.

3.1.3. Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp khi bản án có hiệu lực thi hành mà nguyên đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP V được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là xe ô tô hiệu Hyundai Elantra 1.6L, biển số 36A- 729.28, số máy G4FGMU026700, số khung RLUF41CBMN025463 để thu hồi nợ. Giá trị xe khi phát mại được dùng để bảo đảm thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP V. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết nợ thì nguyên đơn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP V.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Nguyên đơn ông Lê Văn H phải chịu 38.971.501 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 2.500.000 đồng tiền tạm ứng tại Biên lai số 0001297 ngày 28/11/2023; 3.000.000 đồng tiền tạm ứng tại Biên lai số 0001488 ngày 03/01/2024 và 1.125.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Biên lai số 0001242 ngày 18/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương; nguyên đơn ông H còn phải nộp 32.346.501 đồng.

4.2. Bị đơn ông Đoàn Văn H1 phải chịu 300.000 đồng án phí không giá ngạch, khấu trừ vào 2.900.000 đồng tiền tạm ứng tại Biên lai số 0001221 ngày 17/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương; trả lại cho ông H1 2.600.000 đồng.

4.3. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V 12.915.775 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0002817 ngày 17/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

5. Chi phí tố tụng: bị đơn ông Đoàn Văn H1 phải nộp 1.000.000 đồng để trả cho Ngân hàng TMCP V.

6. Án phí phúc thẩm: trả lại cho ông Lê Văn H 300.000 đồng tại Biên lai số 0001732 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố D;
- TAND thành phố D;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tài